

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Sơn.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Bà Nguyễn Thị Mai

+ Ông Nguyễn Văn Chiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N- sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Tuấn H- sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn H là ông Nguyễn Tuấn Q- sinh năm 1942 (Bố đẻ anh H). Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn H là bà Chu Thị Phương Thảo- Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hà Nội. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*** Năm 2003, chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn H, tổ chức cưới ngày 16/12/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 10/12/2003.

Quá trình chung sống, chị và anh H không được hạnh phúc. Anh H bị bệnh, sức khỏe yếu không tham gia lao động công việc nặng được mà chỉ làm các việc vặt trong nhà. Do trước khi kết hôn với anh H thì chị đã có quan hệ với người khác và mang thai nên chị mới kết hôn với anh H, còn thực tế vợ chồng không có thời gian tìm hiểu yêu nhau. Sau cưới chị về chung sống cùng anh H và gia đình anh H. Trong cuộc sống, gia đình anh H thường xuyên gây áp lực, nói xúc phạm chị. Anh H thì nghe theo gia đình, không có quan điểm lập trường riêng nên vợ chồng mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa chị với gia đình chồng ngày càng căng thẳng hơn nên chị phải chuyển về nhà ngoại sống được bốn tháng rồi. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Khi kết hôn với anh H thì chị đã mang thai với người khác nên sau khi kết hôn được một tháng thì chị sinh con và đặt tên cháu là Nguyễn Tuấn V- sinh ngày 10/01/2004. Quá trình chung sống với anh H thì năm 2006 vợ chồng có sinh được một con chung, nhưng năm 2015 cháu bị đuối nước chết. Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Từ khi chị chuyển về nhà ngoại sống đến nay thì cháu V vẫn ở lại sống với anh H và bố mẹ anh H. Tuy là con riêng của chị nhưng anh H cũng coi cháu như con đẻ nên trong giấy khai sinh vẫn khai anh H là bố đẻ cháu V. Hiện nay chị làm nghề buôn bán thịt lợn, thu nhập đủ để nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai.

***Tại các văn bản ngày 15, 16 và 30/3/2021, ông Nguyễn Tuấn Q là người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn H trình bày:*** Anh Nguyễn Tuấn H bị bệnh tật bẩm sinh liệt một bên tay, không lao động công việc nặng được, chỉ làm các việc vặt nhẹ trong nhà và đi lại quanh xóm.

Năm 2003, bà Nguyễn Thị L là chị gái của chị Nguyễn Thị N đến nói chuyện với gia đình ông cho chị N về làm vợ anh H. Vì lúc đó chị N có quan hệ với ai đó và mang thai sắp đến tháng sinh. Do bà L đến nói chuyện nhiều lần nên ông có hợp anh em bàn bạc, được mọi người đồng ý nên ông đã tổ chức cưới chị N về làm vợ của anh H. Sau cưới được hơn một tháng thì chị N sinh con và đặt tên cháu là Nguyễn Tuấn V. Quá trình chung sống với anh H thì chị N lại sinh tiếp được một cháu nữa, nhưng không may năm 2015 cháu bị đuối nước chết.

Quá trình chị N chung sống tại gia đình ông thì giữa ông bà với chị N không có mâu thuẫn gì, còn anh H bị bệnh tật cũng không gây mâu thuẫn gì với chị N. Ông không biết vì lý do gì nhưng có vài lần chị N đã bỏ đi khỏi nhà ông, sau đó lại về nuôi con. Cách đây khoảng ba tháng chị N lại bỏ đi và có đơn xin ly hôn anh H.

Nguyên vọng của ông và anh H đề nghị Tòa án hòa giải để anh H và chị N được đoàn tụ. Trường hợp phải ly hôn thì anh H không có khả năng nuôi cháu Nguyễn Tuấn V. Đề nghị Tòa án yêu cầu chị N đưa cháu V về nuôi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh H và ông Q.

**Ý kiến trình bày của bà Chu Thị Phương Thảo là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn H:** Tuy anh H và bố mẹ anh H có nguyên vọng để chị N và anh H đoàn tụ, nhưng quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Vậy, đề nghị Tòa án xử cho chị N được ly hôn với anh H. Giao cháu Nguyễn Tuấn V cho chị N nuôi dưỡng. Theo nguyên vọng của gia đình anh H đề nghị chị N sau khi được ly hôn thì đến đón cháu V về để đi chữa bệnh cho cháu V.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn V cho chị N nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi chị N có yêu cầu.

Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]- Về tố tụng:** Anh Nguyễn Tuấn H hiện đang sinh sống tại xã D, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

**[2]- Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 10 tháng 12 năm 2003. Quá trình chung sống do mâu thuẫn giữa chị N với gia đình nhà chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nên nhiều lần chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống sau đó lại về đoàn tụ. Cuối năm 2020 mâu thuẫn tiếp tục phát sinh nên chị N lại bỏ đi khỏi nhà chồng và có đơn xin ly hôn anh H. Anh H và bố mẹ anh H đề nghị chị N về đoàn tụ vợ chồng, nuôi con.

Xét thấy: Tuy chị N và anh H kết hôn tự nguyện, nhưng trong hoàn cảnh chị N đã có thai với người khác trước khi kết hôn với anh H, còn phía anh H thì sức khỏe

không tốt nên trong cuộc sống gia đình đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Quá trình chung sống, chị N đã nhiều lần bỏ đi khỏi nhà anh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy chị N xin ly hôn anh H là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

**[3]- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:** Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn Tuấn V- sinh ngày 10/01/2004 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Theo ông Q và anh H nếu ly hôn thì anh H không có khả năng nuôi cháu Nguyễn Tuấn V. Đề nghị Tòa án yêu cầu chị N đưa cháu V về nuôi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy: Anh H bị bệnh tật bẩm sinh liệt tay không lao động được, là đối tượng được trợ cấp xã hội mỗi tháng được hưởng 970.000 đồng. Anh H không đủ điều kiện về sức khỏe và kinh tế để nuôi dưỡng cháu V. Do vậy, nguyện vọng nuôi con của chị N là chính đáng, bảo đảm được quyền lợi của cháu V và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[4]- Về tài sản, công nợ chung:** Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]- Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

**[6]- Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý do trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Nguyễn Tuấn V- sinh ngày 10/01/2004 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho

anh H đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về chia tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 0011935 ngày 09/3/2021.

**5. Về quyền kháng:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đỗ Ngọc Sơn**

